

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày 14-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê Đăng Phương;
Ông Phan Ngọc Khiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; trụ sở chính: Số 194 K, Phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc An Giang (theo văn bản ủy quyền số 545 ngày 22/6/2021) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thành T (theo văn bản ủy quyền số 326 ngày 01/02/2023), gồm:

1. Ông Nguyễn Văn Th, chức vụ: Chuyên viên pháp lý – Trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ (có mặt).

2. Ông Võ Thành Đ, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc An Giang (vắng mặt).

3. Ông Tô Hiền N, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch B – Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S; trụ sở: Tổ 36, khóm Q, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hồ Hoàng P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 1058Đ, khóm 4, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1959; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim X: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 20/01/2022) (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 24, khóm 6, phường A, thành phố Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng – Chi nhánh Bắc An Giang và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S (gọi tắt là Công ty S) do bà Nguyễn Thị Kim H là Giám đốc ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/13484556/HĐTD ngày 25/6/2020 với thỏa thuận như sau:

- Số tiền vay: 15.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh thực phẩm của công ty;

- Thời hạn hạn mức: 12 tháng (từ ngày 25/6/2020 đến ngày 25/6/2021);

- Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/ cam kết bảo lãnh nhưng tối đa không quá 03 tháng.

Ngày 25/12/2020, Công ty S không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, lãi vay vẫn trả vào ngày 20 hàng tháng.

Tính đến hết ngày 30/6/2021, tổng dư nợ gốc và lãi vay của Công ty S còn nợ Ngân hàng là:

S tt	Số HĐTD cụ thể	Ngày vay	Ngày đến hạn	Lãi suất	Dư nợ gốc	Dư nợ lãi	Lãi quá hạn	Tổng dư nợ gốc và lãi
1	01.04/2020/134 84556/HĐTD	25/9/2020	25/12/2020	8%	3.700.000.000	85.961.643	66.632.329	3.852.593.972
2	01.05/2020/134 84556/HĐTD	29/9/2020	29/12/2020	8%	3.937.500.000	91.479.452	70.594.521	4.099.573.973
3	01.06/2020/134 84556/HĐTD	01/10/2020	04/01/2021	8%	3.745.875.000	155.448.329	65.516.893	3.966.840.222
4	01.07/2020/134 84556/HĐTD	15/10/2020	15/01/2021	8%	3.459.093.750	145.566.246	56.331.105	3.660.991.101
Tổng cộng					14.842.468.750	478.455.670	259.074.848	15.579.999.268

Ngày chuyển nợ quá hạn đầu tiên: 26/12/2020 (khách hàng không trả được nợ lãi khi đến hạn).

Ngày chuyển nợ quá hạn cuối cùng: 16/01/2021 (khách hàng không trả được nợ gốc khi đến hạn).

Ngày chuyển nợ nhóm 4: 27/7/2021.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng, Công ty S có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 01/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng – Chi nhánh Bắc An Giang – Phòng giao dịch B, bên được bảo đảm là Công ty S. Tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 3.041m², thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSDĐ) số CP 166947, số vào sổ CS07530 ngày 11/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 3.395m², thuộc thửa số 650, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CQ 217685, số vào sổ CS07614 ngày 13/12/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 2.761m², thuộc thửa số 623, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CS 589668, số vào sổ CS07959 ngày 24/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 3.000m², thuộc thửa số 1175, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CT 383561, số vào sổ CS08007 ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 4.779m², thuộc thửa số 320, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CT

383576, số vào sổ CS08008 ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 4.520m^2 , thuộc thửa số 319, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CS 589667, số vào sổ CS07962 ngày 24/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 8.031m^2 , thuộc thửa số 373, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CN 216469, số vào sổ CS07330 ngày 04/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 4.057m^2 , thuộc thửa số 1024, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CS 089666, số vào sổ CS07961 ngày 24/9/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 4.479m^2 , thuộc thửa số 321, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CT 383559, số vào sổ CS08006 ngày 17/10/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 2.500m^2 , thuộc thửa số 1195, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CN 293371, số vào sổ CS07329 ngày 18/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 676m^2 , thuộc thửa số 706, 707, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CR 827065, số vào sổ CS07808 ngày 23/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 10.097m^2 , thuộc thửa số 292, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CQ 207890, số vào sổ CS07646 ngày 03/01/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 16.968m^2 , thuộc thửa số 371, 372, 373, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 433367, số vào sổ CS07398 ngày 03/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 2.279m^2 , thuộc thửa số 316, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CT 828962, số vào sổ CS08086 ngày 23/12/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.538m^2 , thuộc thửa số 284, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CU

579398, số vào sổ CS08221 ngày 20/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H.

- Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 02/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim X, bên nhận thế chấp là Ngân hàng – Chi nhánh Bắc An Giang – Phòng giao dịch B, bên được bảo đảm là Công ty S. Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 785m², thuộc thửa số 1454, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508009, số vào sổ CS07406 ngày 10/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 288m², thuộc thửa số 1453, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508003, số vào sổ CS07407 ngày 10/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 3.738m², thuộc thửa số 480, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CP 169948, số vào sổ CS07491 ngày 12/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.197m², thuộc thửa số 656, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508853, số vào sổ CS07440 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 6.508m², thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CP 169962, số vào sổ CS07497 ngày 12/9/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 5.018m², thuộc thửa số 779, 795, 816, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CQ 892876, số vào sổ CS07758 ngày 19/4/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 5.101m², thuộc thửa số 802, 815, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CR 827033, số vào sổ CS07800 ngày 16/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.939m², thuộc thửa số 792, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508007, số vào sổ CS07409 ngày 10/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.608m², thuộc thửa số 800, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CR

827022, sổ vào sổ CS07799 ngày 15/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 2.385m^2 , thuộc thửa số 777, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508852, sổ vào sổ CS07438 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 9.737m^2 , thuộc thửa số 530, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CP 080503, sổ vào sổ CS07548 ngày 23/10/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.399m^2 , thuộc thửa số 504, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CQ 207889, sổ vào sổ CS07645 ngày 03/01/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 5.157m^2 , thuộc thửa số 524, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CQ 162100, sổ vào sổ CS07654 ngày 11/01/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 4.979m^2 , thuộc thửa số 525, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508854, sổ vào sổ CS07441 ngày 23/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 11.083m^2 , thuộc thửa số 158, 537, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 550955, sổ vào sổ CS07388 ngày 22/6/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 6.724m^2 , thuộc thửa số 511, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 433348, sổ vào sổ CS07396 ngày 03/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích $14.956,3\text{m}^2$, thuộc thửa số 364, 565, 566, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CK 763816, sổ vào sổ CS07151 ngày 21/11/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 1.604m^2 , thuộc thửa số 793, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 508008, sổ vào sổ CS07408 ngày 10/7/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 6.548m^2 , thuộc thửa số 536, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CR

827021, sổ vào sổ CS07795 ngày 15/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

+ Quyền sử dụng đất diện tích $5.844m^2$, thuộc thửa số 528, tờ bản đồ số 57, tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo GCN QSDĐ số CO 550953, sổ vào sổ CS07387 ngày 22/6/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim X.

Từ ngày phát sinh nợ quá hạn ngày 26/12/2020, Ngân hàng nhiều lần làm việc với Công ty S, yêu cầu Công ty S thực hiện nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể: Ngày 19/12/2020, Ngân hàng có thông báo nợ đến hạn cho khách hàng, đề nghị thanh toán hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng; ngày 16/01/2021, Ngân hàng có thông báo nợ quá hạn lần 1 cho khách hàng, đề nghị thanh toán hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng nhưng khách hàng không thực hiện việc trả nợ; ngày 01/02/2021, Ngân hàng có thông báo nợ quá hạn lần 1 cho khách hàng, đề nghị thanh toán hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng nhưng khách hàng không thực hiện việc trả nợ.

Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty S trả nợ nhưng Công ty S vẫn không trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu Công ty S trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/6/2021 là 15.579.999.268 đồng (trong đó: Dư nợ gốc là 14.842.468.750 đồng; nợ lãi trong hạn là 478.455.670 đồng; nợ lãi quá hạn là 259.074.848 đồng).

2. Yêu cầu Công ty S, bà Nguyễn Thị Kim X và bà Nguyễn Thị Thu H tiếp tục thanh toán toàn bộ lãi vay phát sinh sau ngày 30/6/2021 với mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2020/13474556/HĐTD ngày 25/6/2020 cho đến khi Công ty S trả dứt nợ cho Ngân hàng.

3. Tiếp tục duy trì hai hợp đồng thế chấp cho đến khi Công ty S, bà Nguyễn Thị Kim X và bà Nguyễn Thị Thu H trả dứt nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Bị đơn Công ty S do người đại diện theo pháp luật trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến hết ngày 30/6/2021) là 15.579.999.268 đồng. Đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi. Thống nhất với các tài sản thế chấp như Ngân hàng trình bày. Xin nguyên đơn tạo điều kiện trả dần số nợ trong thời hạn 01 năm và xin giảm lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Kim X do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người đại diện của Công ty S, đồng ý bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

- Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người đại diện của Công ty S, đồng ý bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Tính đến ngày 13/7/2023 Công ty S nợ Ngân hàng tổng vốn và lãi là 18.020.060.465 đồng (trong đó: Dư nợ gốc là 14.842.468.750 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.754.639.748 đồng; nợ lãi quá hạn là 422.951.967 đồng).

Nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Công ty S trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 13/7/2023 là 18.020.060.465 đồng (trong đó: Dư nợ gốc là 14.842.468.750 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.754.639.748 đồng; nợ lãi quá hạn là 422.951.967 đồng); yêu cầu Công ty S tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 14/7/2023 với mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2020/13484556/HĐTD ngày 25/6/2020 cho đến khi Công ty S trả dứt nợ cho Ngân hàng; tiếp tục duy trì hai hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho việc thi hành án. Ngân hàng không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim X và bà Nguyễn Thị Thu H cùng có nghĩa vụ với Công ty S thanh toán tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng như đơn khởi kiện.

- Bị đơn Công ty S do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất số nợ vốn và lãi theo khởi kiện của Ngân hàng và tính đến ngày 13/7/2023 là 18.020.060.465 đồng (trong đó: Dư nợ gốc là 14.842.468.750 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.754.639.748 đồng; nợ lãi quá hạn là 422.951.967 đồng). Tuy nhiên, Công ty S yêu cầu được trả dần số nợ trong thời hạn 01 năm và xin Ngân hàng giảm lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim X do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất số nợ mà Công ty S nợ Ngân hàng, đồng ý bán tài sản đã thế chấp để trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Thống nhất số nợ mà Công ty S nợ Ngân hàng, đồng ý bán tài sản đã thế chấp để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; buộc Công ty S trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 18.029.468.750 đồng (trong đó: Nợ gốc là 14.842.468.750 đồng, nợ lãi là 3.178.000.000 đồng); tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/13484556/HĐBĐ và số 02/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 để bảo đảm cho việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều

có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại thành phố Đ, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 01/2022/QĐ-TA về việc rút vụ án theo đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty S trả vốn và lãi tính đến ngày 13/7/2023 là 18.020.060.465 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 14/7/2023; yêu cầu tiếp tục duy trì hai hợp đồng thế chấp của bà Nguyễn Thị Kim X và bà Nguyễn Thị Thu H để bảo đảm cho việc thi hành án.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/13484556/HĐTD ngày 25/6/2020 giữa Ngân hàng – Chi nhánh Bắc An Giang và Công ty S do bà Nguyễn Thị Kim H là Giám đốc ký kết với thỏa thuận như sau: Số tiền vay: 15.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh thực phẩm của công ty; thời hạn hạn mức: 12 tháng (từ ngày 25/6/2020 đến ngày 25/6/2021).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất về 02 hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 01/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng – Chi nhánh Bắc An Giang – Phòng giao dịch B, bên được bảo đảm là Công ty S. Tài sản thế chấp là 15 (mười lăm) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đơn khởi kiện); Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 02/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim X, bên nhận thế chấp là Ngân hàng – Chi nhánh Bắc An Giang – Phòng giao dịch B, bên được bảo đảm là Công ty S. Tài sản thế chấp gồm 20 (hai mươi) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo đơn khởi kiện). Hai hợp đồng thế chấp đều thực hiện đúng theo quy định.

Tại phiên tòa phía bị đơn cho rằng do kinh doanh thất bại, không kinh doanh được trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 nên không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Thống nhất số nợ vốn và lãi tính đến ngày 13/7/2023 là 18.020.060.465 đồng, nay yêu cầu được trả dần số nợ cho Ngân hàng trong thời hạn 01 năm và xin giảm lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý.

Qua tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy Công ty S (do bà H đại diện theo pháp luật) đã vi phạm hợp đồng đã ký kết, nhiều lần hứa hẹn trả nợ nhưng không thực hiện, cho thấy phía bị đơn không có thiện chí trả nợ. Do đó việc bị đơn yêu cầu được trả dần số nợ và xin giảm lãi, nhưng phía

nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu được trả dân số nợ và xin giảm lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng nếu bị đơn có thiện chí, tích cực trả nợ trong thời gian ngắn thì Ngân hàng sẽ xem xét ý kiến của bị đơn trong giai đoạn thi hành án.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty S phải chịu chi phí tố tụng là 400.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng, do đó, Công ty S có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 400.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.020.060 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền tính đến ngày 13/7/2023 là 18.020.060.465 đồng (mười tám tỷ không trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) (trong đó: Dư nợ gốc là 14.842.468.750 đồng; nợ lãi trong hạn là 2.754.639.748 đồng; nợ lãi quá hạn là 422.951.967 đồng).

Kể từ ngày 14/7/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/13484556/HĐTD ngày 25/6/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S trả xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 01/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H, bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S và Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản để bảo đảm nghĩa vụ cho người khác số 02/2020/13484556/HĐBĐ ngày 25/6/2020 được ký kết giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Kim X, bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, bên được bảo đảm là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S.

2. Về chi phí tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi phí tố tụng là 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.020.060 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại 61.790.000 đồng (sáu mươi một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại đã nộp theo Biên lai thu số 0001893 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP Châu Đốc;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- Tòa Kinh tế;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Hữu Giàu